

Số: *171* /CB-KTTL-KH

Đồng Nai, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 (LẦN 3)**
(Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 03/03/2020)

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP:

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1. Quá trình thành lập:

Ngày 28/5/1980 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyết định số 373/QĐ-UBT thành lập Công ty thủy nông của tỉnh. Tuy nhiên do yêu cầu đột xuất, một số cán bộ chủ chốt trong bộ máy quản lý công ty phải tham gia nghĩa vụ quốc tế giúp bạn Campuchia, nên công ty chưa đủ điều kiện đi vào hoạt động, đến ngày 31/10/1989, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định số 2157/QĐ-UBT khôi phục hoạt động của công ty thủy nông, công ty chính thức đi vào hoạt động từ thời điểm này.

Ngày 28/01/1993, theo Quyết định số 46/QĐ-UBT của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, công ty thủy nông trở thành doanh nghiệp nhà nước mang tên “Công ty Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai” trực thuộc Sở Thủy lợi Đồng Nai (nay là Sở Nông nghiệp & PTNT).

Ngày 31/12/2007 Công ty chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai theo Quyết định số 4698/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Công ty là doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, hoạt động theo Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

1.2. Vốn điều lệ:

Theo Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai với số vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Ngày 19/5/2014 Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 4127/UBND-KT chấp thuận tăng vốn điều lệ công ty lên 350 tỷ đồng. Theo đó công ty đã xin điều chỉnh vốn điều lệ trong giấy phép kinh doanh.

Ngày 25/8/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 2980/QĐ-UBND quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai từ 350 tỷ đồng thành 503 tỷ đồng. Theo đó công ty đã xin điều chỉnh vốn điều lệ trong giấy phép kinh doanh.

2. Quá trình phát triển:

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp:

Công ty được thành lập với chức năng chủ yếu là hoạt động công ích trong lĩnh vực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, lấy mục tiêu đảm bảo an toàn và khai thác hiệu quả công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và đời sống là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện chương trình, mục tiêu của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội; Cung cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt, tạo điều kiện thu hút đầu tư, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước.

2.2. Mục tiêu kinh doanh:

+ Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và khai thác công trình thủy lợi. Sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

+ Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu đầu tư tại doanh nghiệp, tối đa hóa hiệu quả kinh doanh trên cả hai mặt: hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước: cải thiện, nâng cao đời sống cán bộ - công nhân viên; hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao.

2.3. Ngành, nghề kinh doanh chính:

Quản lý, khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi: cấp nước tưới, tiêu, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt; dịch vụ du lịch sinh thái, cho thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản; Quản lý, lập dự án đầu tư, giám sát và sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi.

3. Định hướng phát triển:

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp:

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và khai thác công trình thủy lợi. Sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích:

+ Phát triển bền vững, sử dụng phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên nước: Khai thác tối đa các nguồn lực, các lợi thế nhằm giữ vững vị thế là công ty chủ lực cấp tính trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi.

+ Nâng cao chất lượng phục vụ tưới, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao năng lực quản lý đảm bảo đạt hiệu quả cung cấp dịch vụ thủy lợi trong tình hình biến đổi bất lợi của thời tiết.

+ Chú trọng khai thác tổng hợp nguồn nước, mở rộng đối tượng phục vụ, phát huy hiệu quả các dịch vụ khai thác tổng hợp; tăng tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, ưu tiên cấp nước sinh hoạt và công nghiệp.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động các trạm quản lý khai thác, thực hiện tốt việc quản lý bảo vệ các công trình thủy lợi, bảo đảm hệ thống công trình được an toàn; có kế hoạch và biện pháp phòng chống thiên tai, chủ động chống để giảm thiểu thiệt hại.

+ Ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ, tin học vào quản lý để từng bước hiện đại hóa công tác quản lý khai thác và vận hành.

- Bảo toàn và phát triển vốn của Chủ sở hữu đầu tư tại Công ty; tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trên cả hai mặt: hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh doanh; thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; cải thiện, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên; hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao:

+ Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Chủ sở hữu giao, đồng thời tăng cường các hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi, tích cực tìm kiếm đối tác khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, tăng dịch vụ có thu, ưu tiên cấp nước sinh hoạt và công nghiệp. Nâng cao chất lượng phục vụ đối với tất cả các dịch vụ công ty cung cấp. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trên cả hai mặt: hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh doanh.

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình mới trong kế hoạch, sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

+ Tập trung xây dựng nguồn lực, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Nâng cao năng suất lao động, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

3.2. Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2016 – 2025:

a- Chỉ tiêu sản xuất:

- Chỉ tiêu sản phẩm dịch vụ công ích:

+ Diện tích tưới: Tăng trưởng bình quân từ 6 đến 7%/năm.

+ Ngăn mặn, xả phèn: Đảm bảo diện tích ngăn mặn, xả phèn luôn đạt 5.938ha.

- Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu: Cung cấp nước công nghiệp và sinh hoạt tăng trưởng bình quân từ 15 đến 16%/năm.

b- Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu tăng trưởng bình quân tăng từ 7 đến 8%/năm.

- Lợi nhuận tăng trưởng bình quân tăng từ 7 đến 8%/năm.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 0,47%.

- Nộp ngân sách nhà nước tăng bình quân từ 8 đến 9%/năm.

c- Kế hoạch đầu tư phát triển:

Đối với các dự án đầu tư thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2025 từ nguồn ngân sách tỉnh thực hiện theo danh mục các dự án đầu tư công trung hạn trong từng giai đoạn và từ nguồn vốn sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 – 2020:

1. Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao hiệu quả quản lý, phát huy tối đa tiềm năng và năng lực công trình hiện có, đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, sẵn sàng phục vụ nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tích cực tìm kiếm đối tác khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, tăng dịch vụ có thu, ưu tiên cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thích nghi, né tránh để giảm tổn thất, đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi, hồ đập. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình mới trong kế hoạch, sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu sản phẩm dịch vụ công ích:

- Diện tích tưới, tiêu nông nghiệp bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 25.424ha tăng 6,04% so với thực hiện giai đoạn 2011 – 2015. Trong đó có 30% diện tích canh tác



lúa thực hiện phương thức canh tác tiên tiến tưới (nông-lộ-phơi) và 1.700ha cây trồng cạn chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Ngăn mặn, xả phèn đạt 100%.

- Cấp nước công nghiệp: Đến năm 2019 đạt 17.525.000m³ đến năm 2020 đạt 27.340.000m³. Cấp nước công nghiệp bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 20.085.000m³ tăng 57,76% so với thực hiện giai đoạn 2011 – 2015.

2.2. Kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu (tỷ đồng)	27,270	26,603	25,499	26,038	35,231
2	Lợi nhuận (tỷ đồng)	4,435	4,448	2,991	2,579	3,691
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (%)	0,8%	0,61%	0,33%	0,25%	0,24%
4	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	2,143	2,219	1,830	2,008	2,228
5	Các sản phẩm chủ yếu:					
	- Diện tích tưới, tiêu (ha)	23.488	23.565	26.154	27.477	26,436
	- Ngăn mặn xả phèn (ha)	5.938	5.938	5.938	5.938	5.938

2.3. Lao động, tiền lương:

a. Lao động:

Kế hoạch lao động để đảm bảo hoạt động quản lý và khai thác đến năm 2020 của Công ty bình quân là 109 người.

b. Tiền lương:

Tổng quỹ lương giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty là 51.194.384.000 đồng. Trong đó:

- Tổng quỹ lương, thù lao của người quản lý: 10.809.000.000 đồng.

- Tổng quỹ lương của người lao động: 40.385.384.000 đồng.

3. Kế hoạch triển khai:

3.1. Chỉ tiêu các sản phẩm dịch vụ công ích:

- Công tác tưới phục vụ nông nghiệp: Mục tiêu tưới phục vụ nông nghiệp kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 với tổng diện tích 127.120ha. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 3,00%.

- Công tác ngăn mặn: giai đoạn 2016 – 2020 diện tích ngăn mặn xả phèn vẫn đảm bảo 5.938ha.

3.2. Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu – Công tác cấp nước công nghiệp, sinh hoạt:

Trên cơ sở tình hình phát triển, mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp dùng nước và dự kiến các hồ chứa mới do công ty quản lý trong giai đoạn tới. Công ty xây dựng kế hoạch cấp nước công nghiệp, sinh hoạt của 5 năm 2016 - 2020 là 100.425.000m³, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 10,77%.

3.3 Doanh thu:

Căn cứ tình hình thực hiện hợp đồng, dự kiến các nguồn thu từ cấp nước công nghiệp và thu khác, công ty xây dựng kế hoạch tổng nguồn thu 5 năm 2016 – 2020 là 140.641.091.000 đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 6,61%

3.4. Chi phí:

Trong giai đoạn 2016 – 2020 công ty xây dựng kế hoạch tổng chi phí là 122.496.000.000 đồng với tốc độ tăng bình quân là 8,41%.

3.5. Nộp ngân sách:

Trên cơ sở nguồn thu và các quy định về các khoản thuế hiện hành, Công ty xây dựng kế hoạch nộp ngân sách giai đoạn 2016 – 2020 là 10.429.000.000 đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 0,97%.

3.6. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2016 ước là 551.221.006.000 đồng và dự kiến đến năm 2020 là 1.254.027.125.000 đồng.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là 0,45%, do các công trình được đầu tư xây dựng nhằm mục đích phục vụ cho các hoạt động công ích như tưới, điều tiết lũ, nên không làm tăng lợi nhuận.

3.7. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016 – 2020:

Đối với các dự án đầu tư thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 từ nguồn ngân sách tỉnh thực hiện theo danh mục các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và từ nguồn vốn sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

4. Các giải pháp thực hiện:

4.1. Giải pháp về tài chính:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện của các dự án để sớm đưa vào khai thác, sử dụng đảm bảo các chỉ tiêu đã đăng ký kế hoạch như: Tưới, cấp nước công nghiệp và sinh hoạt.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp có nhu cầu dùng nước trên các công trình do Công ty quản lý để tăng nguồn thu.

4.2. Giải pháp về sản xuất:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi giai đoạn 2016 – 2020 để phát huy tối đa năng lực thiết kế của công trình.

- Theo dõi nắm bắt tình hình diễn biến khí hậu để vận hành, điều tiết nước phù hợp với hình thức tưới của từng loại cây trồng và đảm bảo đủ lượng nước để cung cấp cho công nghiệp.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình kịp thời, tránh công trình bị hư hỏng, xuống cấp, đảm bảo vận hành an toàn và phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với các địa phương trong việc bố trí, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tiết kiệm nước.

- Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ quản lý khai thác theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4.3. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Hoàn thiện các quy chế, chính sách hiện có của công ty để thu hút và giữ lao động gắn bó lâu dài với Công ty như chính sách về tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi,... cho người lao động.

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cũng như công tác quản lý cho cán bộ nhân viên công ty để đáp ứng yêu cầu mới.

Trên đây là nội dung công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016 – 2020 (Lần 3) của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai công bố trên cổng thông tin điện tử của Công ty./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND Tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- HĐTV; KSV;
- BGĐ Công ty;
- P. TC-HC, P. KH-KT;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Kiều

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

MST:3600253230

Số: 237 /BC-KTTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY NĂM 2019

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

1. Hội đồng thành viên : Công ty tổ chức và hoạt động theo mô hình Hội đồng Thành viên; Kiểm soát viên; Ban giám đốc.

*** Cơ cấu và chức năng của Hội đồng thành viên:**

- Hội đồng thành viên nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty theo quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Hội đồng thành viên bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên và một thành viên Hội đồng thành viên làm việc chuyên trách và một thành viên Hội đồng thành viên kiêm nhiệm. Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc khen thưởng, kỷ luật.

- Nhiệm kỳ của Chủ tịch thành viên Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng chỉ được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ.

- Chủ tịch Hội đồng thành viên không được kiêm Giám đốc công ty, các thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc Công ty.

*** Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Thành viên**

- Đề nghị Chủ sở hữu quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung điều lệ; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản doanh nghiệp. Đề nghị Chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên.

- Hội đồng thành viên công ty quyết định sau khi cơ quan đại diện Chủ sở hữu phê duyệt về các nội dung sau đây:

+ Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp;

+ Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc;

+ Huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại các điều 23, 24, 28 và 29 của Luật Doanh nghiệp;

+ Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

+ Tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của công;

+ Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của doanh nghiệp.

- Hội đồng thành viên công ty quyết định về các nội dung sau đây:

+ Quy chế quản lý nội bộ của công ty;

+ Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Giám đốc, các chức danh khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm;

+ Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

+ Quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền.

- Hội đồng thành viên công ty quản lý, điều hành công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

- Hội đồng thành viên công ty chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện Chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời cơ quan đại diện Chủ sở hữu khi công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

- Hội đồng thành viên công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp.

- Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên công ty thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty.

- Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ của công ty.

- Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu công ty; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu công ty về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

- Ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Hội đồng thành viên, quy định các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

BIỂU SỐ 1

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh tại doanh nghiệp	Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
I. Hội đồng Thành viên								
1	Tạ Thị Thúy	1976	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	Kỹ sư thủy lợi Cử nhân kế toán		Kiểm soát viên	Chịu trách nhiệm chung hoạt động của HĐQT
2	Nguyễn Minh Kiều	1960	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm	Kỹ sư thủy lợi		Giám đốc	Quản lý xây dựng cơ bản, và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất KD

3	Phạm Văn Vũ	1966	Thành viên HĐTV	Chuyên trách	Đại học hành chính		Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Theo dõi lĩnh vực TC-HC, lĩnh vực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
II. Giám đốc								
1	Nguyễn Minh Kiều	1960	Giám đốc	Chuyên trách	Kỹ sư thủy lợi		Giám đốc Xí nghiệp xây lắp	Giám đốc
III. Phó Giám đốc								
1	Dương Xuân Sơn	1967	Phó Giám đốc	Chuyên trách	Kỹ sư thủy lợi		Trưởng phòng Kế hoạch-Kỹ thuật	Điều hành lĩnh vực xây dựng kế hoạch và xây dựng cơ bản
2	Lê Xuân Toàn	1967	Phó Giám đốc	Chuyên trách	Kỹ sư thủy lợi		Trưởng phòng Quản lý nước và Công trình	Điều hành lĩnh vực quản lý, khai thác thủy lợi
IV. Kế toán trưởng								
1	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	1972	Kế toán trưởng	Chuyên trách	Đại học Tài chính - Kế toán		Phó phòng Kế toán- Thống kê	Quản lý tài chính, hoạt động kế toán

2. Kiểm soát viên:

Công ty cơ cấu 01 Kiểm soát viên.

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh tại doanh nghiệp	Phân loại kiểm soát viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Giám sát hoạt động SXKD của công ty
1	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	1977	Kiểm soát viên	Chuyên trách	Đại học Tài chính - Kế toán		Trưởng phòng nghiệp vụ II, Chi cục tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính	Kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại công ty của Hội đồng thành viên và Giám đốc công ty

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng:

3.1. Tiền lương:

- Chủ tịch Hội đồng Thành viên: 35.500.000đ/tháng.
- Thành viên Hội đồng Thành viên: 29.820.000đ/tháng.
- Kiểm soát viên: 29.820.000đ/tháng.
- Giám đốc: 34.080.000đ/tháng.
- Phó Giám đốc: 29.820.000đ/tháng.
- Kế toán trưởng: 26.9800.000đ/tháng.

3.2. Thù lao:

- Thành viên Hội đồng Thành viên: 5.964.000đ/tháng.

3.3. Tiền thưởng:

- Chủ tịch Hội đồng Thành viên: 53.250.000đ/năm.
- Thành viên Hội đồng Thành viên: 44.730.000đ/năm.
- Kiểm soát viên: 44.730.000đ/năm.
- Giám đốc: 51.120.000đ/năm.

- Phó Giám đốc: 44.730.000đ/năm.
 - Kế toán trưởng: 40.470.000đ/năm.

II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

BIỂU SỐ 2

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	4598/QĐ-UBND	26/12/2018	QĐ duyệt KH lựa chọn nhà thầu báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sửa chữa tràn xả lũ hồ Bà Long
2	4422/QĐ-UBND	11/12/2018	QĐ v/v giao chỉ tiêu KH phát triển kinh tế - XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019
3	543/QĐ-UBND	19/2/2019	QĐ duyệt KH lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn BC nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng TB ĐakLua
4	947/QĐ-UBND	29/03/2019	QĐ duyệt điều chỉnh một phần khoản 5, điều 1 QĐ số 2162/QĐ-UBND ngày 11/07/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về duyệt BC nghiên cứu khả thi đầu tư XD sửa chữa, nạo vét hồ Suối Vọng
5	1045/QĐ-UBND	9/4/2019	Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
6	993/QĐ-UBND	4/4/2019	QĐ phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Đồng Nai công trình khai thác nước mặt hồ Cầu Mới Tuyến V tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ và xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với lưu lượng 1,0m ³ /s cho nông nghiệp, điều tiết lũ và 40.000m ³ /ngày đêm cấp cho công TNHH Hưng nghiệp Formosa
7	1139/QĐ-UBND	17/04/2019	QĐ ban hành chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Đồng Nai năm 2019

8	1159/QĐ-UBND	19/04/2019	QĐ duyệt KH lựa chọn nhà thầu (tiếp-đợt7) dự án hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc
9	1522/QĐ-UBND	17/05/2019	QĐ phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toả xây dựng công trình sửa chữa, nạo vét hồ Suối Vọng
10	1548/QĐ-UBND	27/5/2019	QĐ V/v kéo dài thời gian giữ chức vụ thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai
11	1855/QĐ-UBND	14/06/2019	QĐ duyệt điều chỉnh Khoản 14, Điều 1 Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư XD CT sửa chữa đê Ông Kèo (đoạn K15+677 - K15+757)
12	1875/QĐ-UBND	19/6/2019	QĐ duyệt KH lựa chọn nhà thầu (Tiếp theo) báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng sửa chữa, nạo vét hồ Suối Vọng
13	1934/QĐ-UBND	24/6/2019	QĐ phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toả xây dựng hạng mục làm mặt bằng bê tông dọc tuyến N15... hồ chứa Gia Măng
14	2066/QĐ-UBND	02/07/2019	QĐ v/v phê duyệt diện tích sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác
15	1854/QĐ-UBND	14/06/2019	QĐ duyệt điều chỉnh Khoản 14, Điều 1 Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư XD CT sửa chữa tràn xả lũ hồ E Long
16	2067/QĐ-UBND	02/07/2019	QĐ phê duyệt biện pháp tưới, tiêu các CTTL năm 2018 của cty quản lý và Ban Quản lý khai thác CTTL Tân Phú, Xuân Lộc, Nhơn Trạch, Thống Nhất

17	2305/QĐ-UBND	26/07/2019	QĐ duyệt KH lựa chọn nhà thầu báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng CT sửa chữa đê Ông Kèo (đoạn K15+677 - K15+757)
18	2346/QĐ-UBND	30/07/2019	QĐ v/v công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
19	2415/QĐ-UBND	2/8/2019	QĐ duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng tuyến đường và cầu qua tràn tuyến V hồ Cầu Mới
20	2462/QĐ-UBND	07/08/2019	QĐ duyệt KH lựa chọn nhà thầu (đợt 8) dự án hồ chứa nước Gia Măng
21	2093/QĐ-UBND	17/9/2019	QĐ v/v thu hồi đất do công ty Cổ phần mía đường La Ngà quản lý để đầu tư thực hiện dự án đầu tư thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Đình Quán (đợt 1)
22	2094/QĐ-UBND	17/9/2019	QĐ v/v thu hồi đất do UBND xã Gia Canh quản lý để đầu tư thực hiện dự án đầu tư thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Đình Quán (đợt 1)
23	2095/QĐ-UBND	17/9/2019	QĐ v/v phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Đình Quán (đợt 1)
24	4548/QĐ-UBND	24/09/2019	QĐ v/v phê duyệt (bổ sung) phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án nạo vét suối Đa Tôn
25	3029/QĐ-UBND	26/09/2019	QĐ v/v phê duyệt bổ sung danh mục chi hỗ trợ tu sửa khẩn cấp công trình từ quỹ Phòng, chống thiên tai trong KH năm 2019 cho UBND huyện Xuân Lộc và Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL
26	3306/QĐ-UBND	18/10/2019	QĐ v/v bổ sung vào quy hoạch thủy lợi Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ K0+00 đến K7+500

27	3311/QĐ-UBND	21/10/2019	QĐ v/v công nhận kết quả phân loại, đánh giá người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn Nhà nước năm 2018
28	4125/QĐ-UBND	17/12/2019	QĐ Ban hành quy chế vận hành CT hồ chứa Đa Tôn
29	4124/QĐ-UBND	17/12/2019	QĐ Ban hành quy chế vận hành CT hồ chứa Gia Ui
30	4126/QĐ-UBND	17/12/2019	QĐ Ban hành quy chế vận hành CT hồ chứa Sông Mây
31	4286/QĐ-UBND	27/12/2019	QĐ phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020

III. Hoạt động của Hội đồng thành viên:

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên:

Các cuộc họp Hội đồng Thành viên:

Trong năm 2019 Hội đồng thành viên đã tổ chức 09 cuộc họp để xem xét, thống nhất một số công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên, với các nội dung như sau:

+ Ngày 22 tháng 01 năm 2019.

- Thông qua báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2018 của người lao động.
- Xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế sau kiểm điểm năm 2018.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2019.
- Xem xét tờ trình của Giám đốc công ty xin trích quỹ phúc lợi để khen thưởng cho các đơn vị có nhiều đóng góp cho công ty.

+ Ngày 8 tháng 03 năm 2019.

- Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng thành viên năm 2018.
- Xây dựng Chương trình công tác năm 2019 của Hội đồng thành viên.

+ Ngày 20 Tháng 03 năm 2019.

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2018.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2019.

+ Ngày 22 tháng 04 năm 2019.

- Điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt hồ Cầu Mới tuyến VI. và điều chỉnh quy trình vận hành hồ Cầu Mới tuyến V và tuyến VI.

- Thống nhất công tác lập hồ sơ cấp đất công trình hồ Cầu mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, trạm bơm Tà Lài, nhà quản lý hồ Đa Tôn.

+ Ngày 02 tháng 07 năm 2019.

- Điều chỉnh bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020-2025.

- Thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động công ty 06 tháng đầu năm 2019.

+ Ngày 22 tháng 07 năm 2019.

- Xem xét, điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh trung hạn giai đoạn 2016-2020.

+ Ngày 01 tháng 10 năm 2019.

- Xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2020.

- Xem xét, lập hồ sơ thanh lý xe ô tô 4 chỗ.

+ Ngày 15 tháng 11 năm 2019.

- Xem xét, thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Xét, đề nghị nâng bậc lương cho người quản lý công ty.

+ Ngày 23 tháng 12 năm 2019.

- Xem xét việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

BIỂU SỐ 3

THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

T T	Thành viên Hội đồng thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Tạ Thị Thúy	Chủ tịch HĐQT	09	0	0	100%
2	Ông Nguyễn Minh Kiều	Thành viên HĐTV	09	0	0	100%
3	Ông Phạm Văn Vũ	Thành viên HĐTV	09	0	0	100%

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng thành viên đối với Giám đốc:

Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát việc tổ chức, điều hành nhiệm vụ đối với Giám đốc Công ty, bao gồm những lĩnh vực sau:

- Việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

- Việc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- Nội dung, quy trình thực hiện việc ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty theo thẩm quyền.
- Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, ngoài các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
- Ký kết hợp đồng nhân danh công ty theo thẩm quyền.
- Việc xây dựng các phương án cơ cấu tổ chức công ty trước khi trình Hội đồng Thành viên xem xét.
- Tính trung thực, chính xác đối với các báo cáo quyết toán tài chính hằng năm.
- Quá trình xây dựng phương án phân phối lợi nhuận trong kinh doanh.
- Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng lao động hằng năm và việc tuyển dụng lao động.

3. Các Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên:

BIỂU SỐ 4

THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐTV	23/01/2019	NQ cuộc họp Hội đồng thành viên tháng 01/2019
2	02/NQ-HĐTV	26/4/2019	NQ cuộc họp Hội đồng thành viên tháng 04/2019
3	03/NQ-HĐTV	2/7/2019	NQ cuộc họp Hội đồng thành viên tháng 07/2019
4	04/NQ-HĐTV	18/11/2019	NQ Hội đồng thành viên v/v bổ sung chi phí phát sinh chi phí năm 2019
5	05/NQ-HĐTV	24/12/2019	NQ Hội đồng thành viên v/v Thanh lý xe ô tô
6	01/QĐ-KTTL	02/01/2019	QĐ ban hành quy chế thi đua khen thưởng của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL
7	02/QĐ-KTTL-HĐTV	31/5/2019	QĐ v/v kéo dài thời gian giữ chức cho đến khi nghỉ hưu (ông Kiều)

30.
TY
H
I VI
TRIN
SI
ONG

8	03/QĐ-KTTL-HĐTV	26/3/2019	QĐ v/v cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên
9	04/QĐ-KTTL-HĐTV	18/06/2019	QĐ v/v kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc
10	05/QĐ-KTTL-HĐTV	18/06/2019	QĐ v/v công nhận kết quả phân loại, đánh giá người quản lý doanh nghiệp năm 2018
11	06/QĐ-KTTL-HĐTV	18/06/2019	QĐ v/v thành lập Hội đồng thanh lý nhà quản lý công Ông Kèo
12	07/QĐ-KTTL	12/11/2019	QĐ v/v nâng bậc lương cho viên chức quản lý (Lê Xuân Toàn)
13	08/QĐ-KTTL	29/11/2019	QĐ v/v ban hành Quy định về tiêu chuẩn cán bộ quản lý các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các trạm quản lý khai thác
14	09/QĐ-HĐTV-KTTL	20/12/2019	QĐ thành lập Hội đồng thanh lý xe oto

III. HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT VIÊN CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên:

Thực hiện đầy đủ các nội dung của Quy chế hoạt động Kiểm soát viên ban hành kèm theo Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty;

- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu Công ty hoặc các cơ quan nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;

- Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin và và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành đồng thời có kiến nghị với các vấn đề còn tồn tại Công ty cần phải khắc phục, sửa chữa trong thời gian tới.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ sở hữu một cách trung thực về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao đúng thời gian quy định.

- Xây dựng chương trình công tác năm và duy trì thực hiện nhiệm vụ theo chương trình công tác năm đã được phê duyệt nhằm đảm bảo hoạt động của kiểm soát viên được thường xuyên và chặt chẽ.

- Tham gia đầy đủ các họp Hội đồng thành viên, họp giao ban Công ty khi được mời tham dự, tích cực tham gia ý kiến trong phạm vi, quyền hạn của mình. Có những kiến nghị kịp thời với những biểu hiện, việc làm trái quy định nhằm kịp thời điều chỉnh và khắc phục.

2. Các báo cáo của Kiểm soát viên:

BIỂU SỐ 5

THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

STT	Số ký hiệu	Ngày, tháng, năm	Nội dung
1	01/CTr-KTTL-KSV	04/01/2019	Chương trình công tác Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL năm 2019
2	02/BC-KTTL-KSV	14/01/2019	BC hoạt động kiểm soát năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019
3	03/BC-KTTL-KSV	16/1/2019	BC giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu tại doanh nghiệp quý IV và cả năm 2018
4	04/BC-KTTL-KSV	24/01/2019	BC thẩm định báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2018
5	05/CV-KTTL-KSV	30/01/2019	V/v thẩm định báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu KH năm 2018 và KH năm 2019
6	06/BC-KTTL-KSV	18/3/2019	BC của kiểm soát viên về thẩm định báo cáo tài chính năm 2018
7	07/BC-KTTL-KSV	04/04/2019	BC thẩm định báo cáo thực hiện quỹ tiền lương người quản lý năm 2018, và KH năm 2019
8	08/BC-KTTL-KSV	09/04/2019	BC kết quả hoạt động quý I và KH công tác quý II năm 2019
9	09/BC-KTTL-KSV	16/4/2019	BC giám sát tình hình tài chính năm 2018 của công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi
10	10/BC-KTTL-KSV	23/04/2019	BC giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu tại doanh nghiệp quý I và cả năm 2019

11	10/BC-KTTL-KSV	28/6/2019	BC thẩm định v/v điều chỉnh tăng vốn điều lệ công ty TNHH MTV Khai thác CTTL
12	11/BC-KTTL-KSV	08/07/2019	BC kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và KH công tác 6 tháng cuối năm 2019
13	12/BC-KTTL-KSV	15/7/2019	BC của kiểm soát viên về thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019
14	13/BC-KTTL-KSV	17/7/2019	BC giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu tại doanh nghiệp quý II và cả năm 2019
15	14/BC-KTTL-KSV	26/7/2019	BC giám sát tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi
16	15/BC-KTTL-KSV	7/8/2019	BC v/v thẩm định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018
17	16/BC-KTTL-KSV	7/10/2019	BC kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm và KH công tác 3 tháng cuối năm 2019
18	17/BC-KTTL-KSV	17/10/2019	BC giám sát v/v chấp hành các quy định của pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu tại doanh nghiệp Quý III/2019

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

BIỂU SỐ 6

THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch HĐ/năm
(1)	(2)	(3)	(4)
1	CLB trồng lúa, ngô, nuôi cá năng suất cao	V/v Nuôi cá -Hồ Bà Long	30.000.000
2	Phạm Thị Đình	V/v Nuôi cá -Hồ Suối Vọng	35.000.000

3	HTS nuôi trồng thủy sản Xuân Tâm	V/v Nuôi cá – Hồ Gia Ui	123.970.000
4	HTX nuôi trồng thủy sản Gia Ray	V/v Nuôi trồng thủy sản - Hồ Núi Le	58.300.000
5	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai	V/v Nuôi trồng thủy sản - Hồ Sông Mây	216.249.000
6	CĐCS văn phòng Sở NN&PTNT	V/v Nuôi cá -Hồ Cầu Mới	269.000.000
7	Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Đa Tôn	V/v nuôi cá - Hồ Đa Tôn	215.600.000
8	Cty cổ phần tiếp vận tải hàng hải Sao Mai	V/v Nuôi cá – Hồ Lộc An	150.971.347
9	Công ty TNHH Tân Thái Bình	V/v Hợp tác kinh doanh	300.000.000
10	Công ty CP HH VEDAN Việt Nam	Mua bán nước thô - Đập Phước Thái; H.Cầu Mới	Giá 900đ/m3 & 1150đ/m3
11	Công ty Cổ phần cấp nước ĐN	Mua bán nước thô - Hồ Gia Ui	Giá 900đ/m3
12	Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa	Mua bán nước thô - Đập Long An	Giá 1150đ/m3
13	Công ty TNHH MTV XD cấp nước ĐN	Mua bán nước thô - Hồ Núi Le	Giá 900 đ.m3
14	Công ty cấp nước hồ Cầu Mới (Cty Tuấn Lộc)	Mua bán nước thô – hồ Cầu Mới	Giá 900đ/m3
15	Công ty TNHH Bochang Donatours	Sử dụng nước tưới cỏ Sân Golf	672đ/m3
16	Công ty TNHH MTV Thịnh Toàn Phúc	Gói thầu số 32 (xây dựng) Hệ thống điện phục vụ nhà quản lý và vận hành khai thác công trình	271.368.000
17	Viện đào tạo và khoa học ứng dụng Miền Trung	Gói thầu số 33 (Tư vấn) giám sát thi công xây dựng gói thầu số 32	8.378.000

18	Công ty TNHH Xây lắp Trường An	Gói thầu số 5 xây dựng Sửa chữa, nạo vét hồ Suối Vọng, huyện Cẩm Mỹ	19.082.000.000
19	Công ty TNHH Xây dựng công trình 360	Gói thầu số 06 tư vấn Thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 5	21.195.000
20	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Nam Thành	Gói thầu số 7 tư vấn Giám sát thi công xây dựng gói thầu số 5	475.313.000
21	Tổng công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex – Công ty bảo hiểm Pjico Đồng Nai	Gói thầu số 08 Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng gói thầu số 5	156.472.000
22	Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP	Gói thầu số 1 (tư vấn): Khảo sát lập hồ sơ thiết kế BVTC, dự toán	2.187.086.000
23	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Tấn Phát Đạt	Gói thầu số 2 (tư vấn): Giám sát KS giai đoạn lập hồ sơ thiết kế BVTC	76.414.000
24	Công ty TNHH xây dựng công trình 360	Gói thầu số 3 (tư vấn): Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 tư vấn Khảo sát lập hồ sơ TKBVTC, dự toán	4.989.000

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- UBND Tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Sở tài chính;
- Sở Nội Vụ;
- Ban Giám đốc Cty;
- CT. HĐTV;
- Kiểm Soát Viên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Minh Kiều

KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Theo Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Chỉ tiêu sản xuất:

1.1. Diện tích tưới, tiêu phục vụ nông nghiệp: Kết quả thực hiện năm 2019 là 26.862ha/26.737ha đạt 100,47% kế hoạch được giao;

Trong đó: Tổng diện tích tưới vụ đông xuân, vụ hè thu và vụ mùa là 24.329ha/24.231ha đạt 100,40% kế hoạch; Tổng diện tích tiêu cả năm là 2.533ha/2.506ha đạt 101,08% kế hoạch.

1.2. Diện tích ngăn mặn xả phèn: Kết quả phục vụ đảm bảo không bị xâm mặn với tổng diện tích 5.938 ha/5.938ha đạt 100,0% kế hoạch được giao; Trong đó: Công trình thủy lợi Ông Kèo ngăn mặn xả phèn 5.276 ha, công trình đê Hiệp Phước - Long Thọ là 662 ha.

1.3. Cấp nước công nghiệp: Kết quả thực hiện cấp nước công nghiệp năm 2019 là 33.375.545m³/18.570.000m³ đạt 179,73% kế hoạch đề ra; tăng 33,79% so với năm 2018.

2. Về chỉ tiêu tài chính:

2.1. Doanh thu: Kết quả thực hiện năm 2019 là 41,227 tỷ đồng/26,056 tỷ đồng đạt 158,22% kế hoạch được giao; tăng 27,30% so với năm 2018.

Trong đó: Doanh thu hoạt động dịch vụ tưới và tiêu nước là 6,700 tỷ đồng; Doanh thu hoạt động khai thác tổng hợp là 33,667 tỷ đồng; Doanh thu khác là 0,860 tỷ đồng.

2.2. Lợi nhuận: Kết quả thực hiện năm 2019 là 7,056 tỷ đồng/3,230 tỷ đồng đạt 218,46% kế hoạch được giao; Vượt 118,46% kế hoạch do nguồn thu từ cấp nước công nghiệp tăng mạnh.

2.3. Nộp ngân sách: Kết quả thực hiện năm 2019 là 6,087 tỷ đồng/2,107 tỷ đồng đạt 288,89% kế hoạch được giao; tăng 40,32% so với năm 2018.

2.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: Kết quả thực hiện năm 2019 là 0,504%/0,263% đạt 191,63% kế hoạch được giao.

2.5. Lao động và tiền lương:

- Tổng lao động thực hiện năm 2019 là 112 người/113 người đạt 99,12% kế hoạch; Trong đó: Số người quản lý doanh nghiệp là 7 người; số người lao động là 105 người.



- Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 là 12,695 tỷ đồng/9,801 tỷ đồng đạt 129,53% kế hoạch. Trong đó: Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý là 2,659 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là 10,036 tỷ đồng.

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Tổng số dự án công ty được giao làm chủ đầu tư và có kế hoạch vốn năm 2019 là 08 dự án với tổng vốn kế hoạch là 54.486,24 triệu đồng gồm: Nguồn vốn Quỹ phòng chống thiên tai với tổng vốn kế hoạch là 1.256,24 triệu đồng; Nguồn vốn Ngân sách tập trung với tổng vốn kế hoạch là 53.230,0 triệu đồng.

Giá trị thanh toán giải ngân năm 2019 là 52.545,05 triệu đồng/54.486,24 triệu đồng đạt 96,44% kế hoạch vốn được giao; Cụ thể:

3.1. Về nguồn vốn Quỹ phòng chống thiên tai: Kế hoạch vốn năm 2019 là 1.256,24 triệu đồng.

Năm 2019 nguồn vốn bố trí cho 2 dự án, gồm có: Dự án sửa chữa tràn xả lũ hồ Bà Long và dự án sửa chữa đê Ông Kèo (đoạn từ K15+677-K15+757). Công ty đã tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa 02 công trình vào sử dụng. Giá trị thanh toán giải ngân năm 2019 là 1.256,24 triệu đồng đạt 100,0% kế hoạch vốn.

3.2. Về nguồn vốn ngân sách tập trung: Tổng vốn kế hoạch là 53.230,0 triệu đồng; Tổng giá trị thanh toán giải ngân là 51.288,82 triệu đồng đạt 96,35% kế hoạch vốn được giao, gồm 06 dự án:

- Có 01 dự án dừng triển khai thực hiện:

+ *Dự án Nâng cấp, sửa chữa đập Long An, huyện Long Thành:* Năm 2018 Công ty đã hoàn tất hồ sơ và trình phê duyệt; Ngày 21/01/2019 UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản chấp thuận dừng triển khai thực hiện đầu tư của dự án. Giá trị thanh toán giải ngân năm 2019 là 100,0 triệu đồng/100,0 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn.

- Có 02 dự án kết thúc giai đoạn thực hiện dự án, gồm:

+ *Dự án Hồ chứa nước Gia Măng:* Công ty đã thực hiện nghiệm thu đưa vào sử dụng tất cả các hạng mục công trình. Hiện Công ty đang hoàn tất hồ sơ quyết toán dự án. Giá trị thanh toán giải ngân năm 2019 là 17.618,75 triệu đồng/17.630,0 triệu đồng đạt 99,94% kế hoạch vốn.

+ *Dự án Xây dựng đường và cầu qua tràn tuyến V hồ Cầu Mới, huyện Cẩm Mỹ:* Nhà thầu đã thực hiện xong. Công ty đang hoàn tất thủ tục bàn giao công trình vào sử dụng và thanh quyết toán hợp đồng. Giá trị thanh toán giải ngân năm 2019 là 11.711,84 triệu đồng/11.800,0 triệu đồng đạt 99,25% kế hoạch vốn.

- Có 03 dự án đang triển khai trong giai đoạn thực hiện dự án, gồm:

+ *Dự án Sửa chữa, nạo vét hồ Suối Vọng, huyện Cẩm Mỹ:* Năm 2019 Công ty đã hoàn tất công tác lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu giai đoạn thực hiện dự án. Ngày 02/10/2019 khởi công thực hiện dự án. Hiện nhà thầu đang thực hiện theo tiến độ hợp đồng. Giá trị thanh toán giải ngân năm 2019 là 10.000 triệu đồng/10.000,0 triệu đồng đạt 100% vốn kế hoạch.

+ *Dự án Trạm bơm Đắc Lua, huyện Tân Phú:* Năm 2019 Công ty đã hoàn tất công tác lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công. Nhà thầu đã thực hiện xong. Công ty đang xem xét hồ sơ trước khi trình Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt. Giá trị thanh toán giải ngân năm 2019 là 1.582,14 triệu đồng/1.700,0 triệu đồng đạt 93,07% vốn kế hoạch.

+ Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán; Kế hoạch vốn là 12.000,0 triệu đồng được bố trí từ nguồn vốn ngân sách tập trung của tỉnh; Trong năm 2019 Công ty tiếp tục thực hiện các hạng mục công việc của dự án như sau:

- Công tác thiết kế bản vẽ thi công trạm bơm cấp 2: Trong năm 2019 đơn vị tư vấn đã lập xong hồ sơ thiết kế BVTC xác định Tổng dự toán vượt so với TMDT. Ngày 06/12/2019 UBND tỉnh có văn bản số 14213/UBND-KTNS chấp thuận thay đổi cơ cấu nguồn vốn. Hiện đang chờ quyết định điều chỉnh dự án để Công ty có cơ sở trình thẩm định phê duyệt hồ sơ TKBVTC trạm bơm cấp 2.

- Công tác thi công trạm bơm cấp 1: Trong năm 2019 nhà thầu hoàn thiện khu đầu mối; mua sắm thiết bị (máy bơm) và thi công hệ thống đường dây trung thế.

Tổng giá trị thanh toán giải ngân năm 2019 là 10.276,09 triệu đồng/12.000,0 triệu đồng đạt 85,63% kế hoạch vốn. Lý do dự án gặp vướng mắc về mặt bằng nên chưa tiếp tục thi công đoạn kênh đã được phê duyệt điều chỉnh (tuyến kênh từ K3+566 đến đầu kênh chứa).

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

- Căn cứ Quyết định 964/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai;

- Căn cứ Thông báo số 1024/TB-SKHĐT ngày 31/12/2019 của Sở Kế hoạch & Đầu tư về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2019-2020.

1. Chỉ tiêu sản xuất:

1.1. Diện tích tưới, tiêu là 26.436 ha; trong đó tổng diện tích tưới là 23.930 ha phục vụ 03 vụ: Đông xuân, Hè Thu và Mùa; tổng diện tích tiêu là 2.506 ha.

1.2. Ngăn mặn, xả phèn đảm bảo diện tích là 5.938 ha.

1.3. Đảm bảo cấp nước cho công nghiệp là 27.674.000 m³.

2. Chỉ tiêu tài chính:

2.1. Tổng doanh thu cả năm là 35,231 tỷ đồng; Trong đó: doanh thu hoạt động tưới, tiêu nước là 6,70 tỷ đồng; doanh thu từ khai thác tổng hợp là 28,231 tỷ đồng; doanh thu khác 0,30 tỷ đồng.

2.2. Lợi nhuận trước thuế là 3,691 tỷ đồng.

2.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu là 0,24%.

2.4. Nộp ngân sách là 2,228 tỷ đồng.

3. Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công.

- Tổng số dự án Công ty được giao làm chủ đầu tư và có kế hoạch vốn năm 2020 là 03 dự án với tổng vốn kế hoạch là **136.660,00 triệu đồng**, trong đó:

+ Nguồn vốn ngân sách tập trung là 91.660,00 triệu đồng bố trí cho các dự án: Trạm bơm Đaklua, huyện Tân Phú; Sửa chữa, nạo vét lòng hồ công trình hồ Suối Vọng, huyện Cẩm Mỹ; Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

+ Nguồn vốn ngân sách trung ương là 45.000,00 triệu đồng bố trí cho dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Ngoài ra còn có các dự án đang chờ phê duyệt chủ trương đầu tư như: Dự án Xây dựng mới đập dâng Long An; Dự án Đầu tư nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ K0+000 đến K7+500; Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom; Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc; Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú; Và các dự án chờ quyết toán như: Dự án Hồ chứa nước Gia Măng, huyện Xuân Lộc; Dự án Xây dựng đường và cầu qua tràn tuyến V hồ Cầu Mới, huyện Cẩm Mỹ.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1- Đối với chỉ tiêu tưới, tiêu nông nghiệp và ngăn mặn xả phèn:

1.1. Cơ sở xây dựng kế hoạch năm 2020: Để đảm bảo kế hoạch xây dựng sát với kế hoạch sản xuất của địa phương và năng lực công trình. Kế hoạch phục vụ sản xuất nông nghiệp được xây dựng theo quy trình như sau:

- Trên cơ sở diện tích sản xuất có nhu cầu sử dụng nước tưới, tiêu và ngăn mặn - xả phèn các xã đăng ký kế hoạch sản xuất cho từng vụ và từng đối tượng (loại cây trồng, nuôi trồng thủy sản) với các trạm quản lý khai thác trực thuộc Công ty.

- Căn cứ năng lực công trình và khả năng nguồn nước của từng công trình các trạm QLKT thống nhất với các xã về diện tích phục vụ và hình thức tưới; tổng hợp gửi cho UBND các huyện.

- Các huyện điều chỉnh hoặc bổ sung (nếu có) cho phù hợp với cơ cấu cây trồng theo kế hoạch sản xuất của huyện và đăng ký kế hoạch sản xuất với Công ty. Đây là cơ sở để Công ty ký kết hợp đồng dùng nước với địa phương.

1.2. Tổ chức thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra các công trình trước lũ và sau lũ để kịp thời tu sửa các công trình nhằm đáp ứng cho nhu cầu dùng nước và phòng chống lụt bão.

- Công tác chuẩn bị trước khi vào vụ sản xuất: Hoàn thiện công tác sửa chữa công trình, bảo dưỡng thiết bị, đánh giá lại khả năng phục vụ của công trình. Trên cơ sở nguồn nước hiện có và dự báo diễn biến của thời tiết về nguồn nước, Công ty chủ động lên kế hoạch điều chỉnh diện tích đã đăng ký, dịch chuyển thời vụ hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ứng phó với khả năng xảy ra hạn hán, bão, lũ; làm việc thống nhất với địa phương để chỉ đạo thực hiện.

- Trong thời gian phục vụ:

+ Theo dõi nắm bắt tình hình diễn biến khí hậu để vận hành, điều tiết dẫn nước và lên lịch tưới cho phù hợp với hình thức tưới đối với từng loại cây trồng

+ Thường xuyên kiểm tra các hệ thống công trình dẫn nước để sửa chữa kịp thời đảm bảo phục vụ sản xuất.

+ Chủ động dự phòng máy bơm dầu để khi công trình giảm nguồn nước sẽ phục vụ cho các diện tích ở xa công trình.

2- Đối với chỉ tiêu cấp nước Công nghiệp:

- Cơ sở xây dựng kế hoạch: Dựa trên cơ sở hợp đồng và sản lượng tiêu thụ của năm 2019 của các đơn vị sử dụng nước để xây dựng chỉ tiêu kế hoạch cấp nước Công nghiệp. Trong năm 2020 Công ty sẽ tổ chức thực hiện như sau:

+ Theo dõi tình hình biến đổi của khí hậu để xác định thời điểm trữ nước đáp ứng được năng lực công trình trong các hồ đập đảm bảo lượng nước cung cấp theo đúng

hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra khi nhu cầu dùng nước của các đối tác tăng so với hợp đồng Công ty sẽ xây dựng kế hoạch điều tiết phù hợp đối với các công trình có năng lực kết hợp tưới tiêu và cấp nước để cung cấp.

+ Tiếp tục mở rộng tìm kiếm đối tác dùng nước mới trên các công trình quản lý có khả năng cấp nước cho Công nghiệp.

3. Đối với công tác đầu tư công:

+ Tiếp tục phát huy những yếu tố thuận lợi nhằm đẩy nhanh tiến độ của dự án.

+ Giám sát chặt chẽ tiến độ, chất lượng của các nhà thầu.

+ Phối hợp kịp thời với các Sở, ban ngành và địa phương để giải quyết các vướng mắc khó khăn trong lĩnh vực đầu tư XD CB nhất là công tác bồi thường đền bù và giải phóng mặt bằng.

+ Chủ động đào tạo, nâng cao tay nghề trong công tác quản lý dự án.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai kính báo cáo./.

(Kèm theo biểu 01/CT-KH2020)

Ulla

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND Tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- HĐTV; KSV;
- BGĐ Công ty;
- P. TC-HC, P. KH-KT;
- Lưu VT.



Nguyễn Minh Kiều

30-CT
TY
H
H VIÊN
NG TRIN
LỢI
NAI
1. ĐỒ

MỘT SỐ CHỈ TIÊU

MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI ĐỒNG NAI

T.T.

	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sản xuất	ha	26.436	
	Tươi nông nghiệp	ha	23.930	
	Tiêu nông nghiệp	ha	2.506	
	Ngăn mặn	ha	5.938	
	Cấp nước công nghiệp	m ³	27.674.000	
2	Chỉ tiêu tài chính			
	Tổng doanh thu	1000đ	35.231.000	
	Lợi nhuận	1000đ	3.691.000	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,24	
	Nộp ngân sách	1000đ	2.228.000	
3	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tr.đồng	136.660	
	Vốn ngân sách địa phương	Tr.đồng	91.660	
	Vốn ngân sách trung ương	Tr.đồng	45.000	

